

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 21

Phẩm 5: NÓI BIỆT VỀ NGHIỆP (PHẦN 4)

Như thế đã nói về luật nghi, v.v..., về xả luật nghi, v.v... nay kể sẽ nói:

Thế nào là xả luật nghi biệt giải thoát?

Tụng rằng:

*Xả điều phục biệt giải
Do cố xả khi chết
Và hai hình cùng sinh
Dứt thiện căn, đê mê hết.
Có thuyết: do phạm trọng
Thuyết khác, do pháp diệt
Ca-thấp-di-la nói
Phạm hai như nợ của.*

Luận chép: Tiếng điều phục chỉ cho tên khác của luật nghi. Do luật nghi này khiến cho điều phục căn. Do năm duyên xả luật nghi biệt giải:

1. Do cố ý xả, nghĩa là do a-thế-da đối với luật nghi, không ôm lòng ưa thích, kính mến vì xả học xứ. Đối với người có hiểu, phát khởi sự sai khác của nghiệp biểu trái nhau, không phải chỉ do khởi tâm xả học xứ, như đăc luật nghi vì tâm không có khả năng. Lại vì trong mộng nên xả không thành chẳng phải chỉ do khác nhau của khởi nghiệp biểu, xả sự phần nộ điên khùng, v.v..., vì không thành, không phải chỉ do hai đối bàng sinh, v.v... khởi tâm phát biểu xả, vì không thành.

2. Do bị chết, nghĩa là chúng đồng phần vì thế lực tăng thượng được luật nghi.

3. Do chỗ dựa hai hình cùng có, nghĩa là khi thân biến đổi thì tâm biến đổi theo. Lại hai hình, không phải tăng thượng.

4. Do dứt diệt căn thiện làm nhân, nghĩa là vì dứt tâm đặng khởi nghiệp biểu, vô biểu, là nghĩa dứt của nhân duyên luật nghi này, xả giới suốt thế gian.

Do bốn duyên trên, luật nghi cận trụ cũng do đê mê hết, nghĩa là giới cận trụ, do bốn duyên trên và đê mê hết là xả, vì quá kỳ hạn. Đê mê hết, nghĩa là khi tướng sáng xuất hiện, các sư quỹ phạm phần cùng chấp nhận.

Năm thứ duyên xả luật nghi như thế, Có sư bộ khác chấp tùy theo phạm một, chiêu cảm trọng tội đọa.

Xả giới xuất gia, có bộ khác chấp vào thời kỳ chánh pháp diệt, luật nghi biệt giải thoát đều xả, do các học xứ, yết-ma Kết-giới, Thánh giáo đã có đều dứt diệt. Các sư Đối Pháp nói thế này: Bảy giờ, dù không được, chưa được luật nghi, nhưng trước đó đã được luật nghi thì không có nghĩa xả.

Sư Tỳ-bà-sa nước Ca-thấp-di-la, chứa lý, giáo trong tâm đã nói thế này: không phải khi phạm bất cứ một tội căn bản mà là tất cả luật nghi đều có nghĩa xả. Tuy nhiên người phạm tội trọng có hai thứ danh:

1. Cự-thi-la.
2. Phạm giới.

Nếu đối với giới đã phạm, có thể ăn năn dứt trừ, phát lộ, ăn năn trừ bỏ, chỉ gọi là cự giới. Như người có của, khi thiếu nợ người khác, gọi là người giàu và kẻ vay nợ, nếu trả nợ rồi, chỉ gọi là người giàu. Việc xả giới này cũng nên như vậy, nên không phải xả giới.

Hỏi: Hai luật nghi, v.v... của tỉnh lự vô lậu sẽ xả như thế nào?

Tụng rằng:

*Xả định sinh pháp thiện
Do khác lui thấy
Xả các thiện vô lậu
Do được quả lui mất.*

Luận chép: Pháp thiện thuộc về các địa tỉnh lự do hai duyên xả:

1. Do địa chuyển dịch, nghĩa là từ địa trên sinh xuống địa dưới.
2. Do lui mất, nghĩa là lui sụt thắng định

Xả chúng đồng phần và khi lìa nhiễm cũng xả noãn, v.v... và lui sụt phần định, vì gồm nhiếp định này. Lại nói là thấy, như xả thiện cõi Sắc, do di chuyển địa lui sụt và ba Vô sắc lìa nhiễm cũng vậy. Xả thiện vô lậu do hai thứ duyên:

1. Do được quả, xả chung đạo trước.
2. Do lui mất, xả các đạo vượt hơn.

Duyên này hoặc là quả, hoặc thuộc về quả vượt hơn, ở trong đây ta nên phân biệt một ít. Nếu xả kiến đạo và đạo loại trí, phải biết chỉ do được quả, không phải lui sụt, vì gồm nhiếp quả đạo loại trí, cũng sẽ không có lui sụt. Lui sụt căn đã luyện, cũng có nghĩa lui sụt. Nếu pháp bất động, Vô học đều không có, vô lậu khác chấp nhận đủ hai thứ.

Như vậy, đã nói về xả các luật nghi. Thế nào là xả bất luật nghi?

Tụng rằng:

Xả giới ác do chết

Được giới hai hình sinh.

Luận chép: Các bất luật nghi do ba duyên xả:

1. Do chết xả, vì đối tượng nương tựa, vì sức của chúng đồng phần được luật nghi.

2. Do được giới, nghĩa là nếu thọ được luật nghi biệt giải, hoặc do đạt được luật nghi tinh lự, giới ác ấy là xả, sức đối trị vượt hơn bất luật nghi.

3. Do nối tiếp nhau hai hình đều khởi. Bấy giờ, vì đối tượng nương tựa biến đổi, nên người bất luật nghi thọ giới cận trụ, đến vị đê, hết, khi xả luật nghi là được bất luật nghi, gọi là trong xứ.

Có sư khác nói: Được bất luật nghi, vì A-thế-da ác không phải xả hẳn, nên như dừng lại, màu đỏ của sắt nóng tắt, màu xanh sinh

Có sư khác nói: Nếu không tạo tác lại, thì không có duyên, khiến cho người kia được bất luật nghi, do bất luật nghi dựa vào biểu được, nên nói trước nói là hợp lý, vì trước khi thọ giới, A-thế-da ác không phải xả hẳn. Dựa vào giới ác của nghiệp biểu ở trước, khởi trở lại vô biểu trong xứ xả, lại thế nào?

Tụng rằng:

Do cách thọ trong xả

Tạo việc thọ căn dứt.

Luận chép: Vô biểu trong xứ xả do sáu duyên:

1. Vì tâm thọ dứt hoại, nên xả. Nghĩa là lời thề thọ ở trước, thường ở vào thời gian nào đó kính lễ chế phục nhiều và ca tụng, v.v... Nay, nghĩ thế này: “Sau này không làm nữa” A-thế-da từ đây bèn dứt. Do người kia xả bỏ ý ưa thích xưa, hoặc lại tạo riêng thế dụng tăng mạnh, sự nghiệp trái với hiện hạnh trước, ý ưa thích trước dứt, vô biểu liền.

2. Vì thế lực dứt hoại, nên xả. Nghĩa là do tín tịnh, vô biểu mà được, dẫn do thế lực phiền não. Uy lực của hai kỳ hạn kia, nếu khi dứt hoại, vô biểu bèn xả, như mũi tên đã bắn đi và bánh xe của thợ gốm, nên sư quĩ phạm nói như vậy: Vì sức đẳng khởi đã dẫn phát, nên dù xả

gia hạnh và vô biểu A-thế-da, hoặc chấp nhận tùy chuyển suốt đối, cho đến Khi phát khởi triển nhay bén cực mạnh, việc đánh đập cầm thú, nên biết cũng như vậy. Hoặc trước đã lập kỳ hạn bằng nhau, với ngần ấy thời gian. Nay, thế kỳ hạn đã vượt qua, nên vô biểu bèn dứt.

3. Vì tác nghiệp thiện dứt hoại, nên xả. Nghĩa là dù không xả tâm thọ căn bản, nhưng lại không được thọ do tác nghiệp, chỉ dứt trừ người đã quên nghĩ nhớ mà không làm, do gia hạnh của kỳ hạn vô biểu này sinh. Khi gia hạnh dứt, vô biểu liền xả.

4. Vì sự vật dứt hoại, nên xả. Nghĩa là đối tượng xả thí, là vườn rừng, tháp báu và đối tượng bố thí là các việc như lười rập, v.v..., vốn do việc kia dẫn vô biểu sinh. Khi việc kia đã hư hoại, ấy là vô biểu xả.

5. Vì thọ mạng dứt hoại, nên xả. Nghĩa là vì đối tượng nương tựa có chuyển dời.

6. Vì y cứ ở căn dứt hoại, nên xả. Nghĩa là khi khởi gia hạnh dứt thiện, ác, đều xả vô biểu được dẫn do căn kia, không phải đến dứt thiện, khi được tĩnh lự mới xả vô úy thiện, ác trong xứ, vì yếu kém, nên khởi gia hạnh, ấy là xả vô biểu thiện, ác trong xứ.

Nói căn có cả căn thiện, ác. Nói dứt, là dứt gia hạnh.

Thiện phi sắc cõi Dục và tất cả pháp nhiệm phi sắc khác xả như thế nào.

Tụng rằng:

*Xả dục, thiện phi sắc
Do căn dứt, sinh trên
Do đối trị đạo sinh
Xả các nhiệm phi sắc.*

Luận chép: cõi Dục, xả tất cả pháp thiện phi sắc, do hai duyên:

1. Dứt căn thiện.
2. Sinh cõi trên.

Nên nói phần ít cũng lìa nhiệm là xả, như ưu căn, v.v... Pháp thiện khi sắc, ở ba cõi xả tất cả pháp nhiệm phi sắc, do một duyên, nghĩa là khởi đạo đối trị, Nếu ở phẩm loại này năng dứt, là đạo sinh tức xả chín hoặc trong phẩm này và phần giúp đỡ.

Hữu tình nào có luật nghi thiện, ác?

Tụng rằng:

*Người giới ác, trừ Bắc
Hai huỳnh môn, hai hình
Luật nghi cũng ở trời
Chỉ người đủ ba thứ.*

*Sinh trời Dục, cõi Sắc
 Có luật nghi tĩnh lự
 Vô lậu và Vô sắc
 Trì trung định Vô tướng.*

Luận chép: Chỉ ở cõi người có bất luật nghi. Nhưng trừ châu phía Bắc chỉ ba phương còn lại có. Trong ba phương, lại trừ Phiến-đê và Bán-trạch-ca, người đủ hai hình, luật nghi cũng vậy. Nghĩa là trong cõi người dứt trừ đối tượng trừ trước và cõi trời cũng có, nên ở hai cõi chấp nhận có luật nghi. Tuy nhiên, chỉ trong cõi người có đủ ba thứ. Nghĩa là vô lậu tĩnh lự biệt giải thoát. Nếu sinh các tầng trời Dục và sinh cõi Sắc đều chấp nhận được có luật nghi tĩnh lự. Nhưng trời Vô tướng chỉ chấp nhận thành tựu, sinh cõi Vô sắc, trời Vô tướng kia đều không có. Luật nghi vô lậu cũng ở Vô sắc. Nghĩa là nếu sinh ở các tầng trời cõi Dục và sinh trong cõi Sắc, trừ trung định, Vô tướng, đều chấp nhận được có luật nghi vô lậu, sinh trung gian Vô sắc chỉ được thành tựu, vì Vô sắc, thì không hiện khởi, vô lậu sinh cõi trên vì được thành tựu bên dưới.

Đã nói về tánh, tướng của các nghiệp khác nhau. Sẽ giải Thích-các nghiệp đã nói trong kinh. Vả lại, trong kinh nói nghiệp có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Tướng của chúng thế nào? Tụng rằng:

*An, không an phi nghiệp
 Gọi thiện, ác, vô ký.*

Luận chép: Các nghiệp yên ổn, gọi là thiện, có thể được Niết-bàn của dị thực đáng yêu, vì hai thời gian tạm và vĩnh viễn, cứu vớt các khổ.

Nghiệp không yên ổn, gọi là bất thiện. Do bất thiện này chiêu cảm dị thực phi ái, vì rất hay ngăn cản hưởng đến Niết-bàn. Không phải hai nghiệp trước là lập từ vô ký, vì không thể đáp là thiện, bất thiện, là nghĩa phi an ổn, không an ổn. Lại, trong kinh nói nghiệp có ba thứ: Phước, phi phước, v.v..., tướng của chúng thế nào?

Tụng rằng:

*Phước, phi phước, bất động
 Nghiệp thiện, Dục gọi phước
 Bất thiện, gọi phi phước
 Thiện cõi trên : bất động
 Theo xứ sở địa mình
 Vì nghiệp quả không động.*

Luận chép: Nghiệp thiện ở cõi Dục gọi là phước, trái với phi phước, chiêu cảm quả ái. Các nghiệp bất thiện gọi là phi phước, vì

chiêu cảm quả phi ái, trái với nghiệp phước.

Pháp thiện của hai cõi trên gọi là bất động.

Lẽ nào không phải Thế tôn nói ba định cõi dưới, đều gọi là có lay động, vì bậc Thánh nói trong đây có tâm, tứ, hỷ, lạc, thọ, lay động. Do ba định của địa dưới có tai họa tâm, tứ, v.v... vì chưa thôi dứt, nên đặt tên là động. Trong kinh Bất Động, vì y cứ vào công năng chiêu cảm được dị thực không lay động, nên gọi là bất động.

Sao định có lay động chiêu cảm dị thực không có lay động?

Mặc dù trong định này có tai họa lay động, nhưng nghiệp đối với quả không phải như cõi Dục vì có chuyển động. Đặt tên bất động, nghĩa là mãn nghiệp của xứ, cõi khác trong cõi Dục, do sức duyên riêng, có thể là thọ xứ, cõi khác. Hoặc có nghiệp hay chiêu cảm thú vui, v.v..., sắc lực, hình lượng, quả vị, của cải trong, ngoài, ở cõi trời, nghiệp này nên thành thực, vì chuyển biến được dẫn do sức riêng, nên nghiệp này trong cõi người bèn thành thực, nghiệp của xứ, địa khác của cõi Sắc, cõi Vô sắc, không có chấp nhận chuyển biến để cho khác với thọ của xứ, địa, vì xứ sở của quả nghiệp không có đổi thay, xao động, nên động dẫn địa gồm nhiếp không có phân tán, lay động.

Căn cứ ở nghĩa như thế để đặt danh từ bất động. Nên biết, trong đây, vì ngu đối với sự lệ thuộc lẫn nhau của nhân quả, nên tạo nghiệp phi phước, vì nghiệp phi phước thuần một nhiễm ô, nên phải dựa vào vô minh nối tiếp nhau thô, nặng. Do vô minh này và vị hiện ở trước, không thể tin hiểu sự lệ thuộc lẫn nhau của nhân quả.

Cho nên, phát khởi các hạnh phi phước vì ngu đối với nghĩa chân thật, nên tạo phước và nghiệp bất động.

Nghĩa chân thật, là bốn Thánh đế. Nếu ngu đối với nghĩa chân thật kia, thì các loại phàm phu sẽ ở vị tâm thiện, cũng được khởi gián cách.

Do thế lực này khiến cho biết không như thật đối với ba cõi, tánh của chúng đều khổ, khởi hạnh bất động và phước làm nhân cho hữu sau.

Nếu người đã kiến đế sẽ không có siêng năng này, nhân khi sức hành trước lìa dần nhiễm, như thứ lớp được sinh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Lại, trong kinh nói: Nghiệp có ba thứ như nghiệp thuận với lạc thọ, v.v..., tướng ấy thế nào?

Tụng rằng:

Thuận vui, khổ không hai

Thiện đến ba thuận vui
 Các bất thiện thuận khổ
 Thiện trên thuận không hai.
 Nói khác, địa dưới có
 Do giữa vời dị thực
 Lại, thừa nhận ba nghiệp
 Không thành thực trước, sau.
 Thuận với thọ gồm năm
 Là tương ứng tự tánh
 Và Dị thực, sở duyên
 Nên hiện tiền sai khác.

Luận chép: Trong các nghiệp thiện, bắt đầu từ cõi Dục, đến tĩn lự thứ ba, gọi là thuận với nghiệp lạc thọ, vì các lạc thọ chỉ đến đây, nên các nghiệp bất thiện được gọi là thuận với khổ thọ.

Tĩn lự thứ tư và nghiệp thiện của cõi Vô sắc, gọi là thuận với bất khổ bất lạc thọ, vì trên đây đều không có khổ, lạc thọ, nên không phải các nghiệp này chỉ chiêu cảm thọ quả, nên biết cũng cảm thọ tư lương của tĩn lự kia. Thọ và tư lương, trong đây gọi là thọ, thuận theo cõi Dục đã được hóa độ, lập chung tên Thọ. Trong các địa dưới vì cũng thừa nhận có, thuận với không phải hai nghiệp là chắc chắn không có.

Có sư khác nói: Địa dưới cũng có thuận với không phải hai nghiệp, do định trung gian không có khổ, vui, lẽ ra không có nghiệp. Lại, có dẫn chứng, nghĩa là luận này nói. Và lại, có ba nghiệp không phải trước, không phải sau, thọ dị thực chăng? Đáp: Có, là thuận với sắc, nghiệp của lạc thọ, thuận với tâm bất tương ứng hành của nghiệp bất khổ bất lạc thọ, cho đến nói rộng.

Do đó chứng biết ở địa dưới cũng có thuận với không phải hai nghiệp, không phải là cõi Dục có ba nghiệp này, vì đều lúc thành thực. Dẫn chứng đây là đều chứ không phải chắc chắn. Nhưng ở trong địa dưới, về lý, lẽ ra chắc chắn có thuận với không phải hai nghiệp, như luận Thuận Chánh Lý có nói về rộng, nên biết.

Nghiệp này là thiện hay bất thiện?

Có nói: Là thiện mà yếu kém. Lại, không thể chỉ bày riêng, mà có thể nói chung. Trong các nghiệp thiện, hoặc có một loại hay cảm lạc thọ và thọ tư lương. Hoặc có một loại có công năng chiêu cảm không phải hai, nên biết nghiệp này có thể làm lợi ích lạc thọ, gọi là thuận với lạc thọ, như thuận với mã xứ. Hoặc nghiệp này hay thọ vui, gọi là thuận với lạc thọ, như thuận với tắm gội tẩy mác, thuận với thọ nghiệp khác,

nên biết cũng vậy.

Nghiệp này không phải chỉ cảm thọ dị thực, làm sao đều được thuận thọ tên nghiệp?

Các nghiệp làm nhân chiêu cảm dị thực, đều giống như thọ, vì được gọi là thọ. Vì sao? Vì nghiệp kia đều như thọ, làm cho thân tổn ích và bình đẳng như nước, lửa, v.v..., đối với cây, cành, v.v..., là Có ích hay tổn hại, hại nghĩa là bằng nhau, thành. Lại, thuận với thọ nhiều, lược nói có năm:

1. Tự tánh thuận với thọ: là thể của các thọ, như Khế kinh nói: Khi thọ lạc thọ, như thật nhận biết rõ thọ đối với lạc thọ, cho đến nói rộng.

2. Tương ưng thuận với thọ: Nghĩa là tất cả xúc. Như Khế kinh nói: Thuận với xúc lạc thọ, cho đến nói rộng.

3. Đối tượng duyên thuận với thọ: Nghĩa là tất cả cảnh, như Khế kinh nói: Mắt thấy sắc rồi, chỉ thọ sắc, không thọ tham sắc, cho đến nói rộng. Do sắc, v.v... là đối tượng duyên của thọ.

4. Dị thực thuận với thọ: Nghĩa là chiêu cảm nghiệp dị thực, như Khế kinh nói: Thuận với nghiệp lạc thọ, cho đến nói rộng.

5. Thuận với thọ hiện tiền: Nghĩa là thọ hiện hành, như Khế kinh nói: Khi thọ lạc thọ, hai thọ bèn diệt, cho đến nói rộng. Không phải khi lạc thọ này hiện ở trước. Có thọ khác, có thể lạc thọ này, chỉ y cứ ở tự thể của lạc thọ hiện tiền, tức gọi là thọ đối với lạc thọ. Vì thuận với thọ có nhiều thứ, nên dù nghiệp dị thực không phải đều là thọ mà có thể lập chung thuận với danh từ thọ nghiệp, nghĩa là các nghiệp thiện làm nhân chiêu cảm sắc bất tương ưng, vì có thể được duyên sinh lạc thọ, vì các lạc thọ này đã nhận lãnh, vì dị thực đáng yêu thuận với lạc thọ, cũng gọi là lạc thọ. Do nghiệp thiện này đã chiêu cảm các quả. Mặc dù không phải lạc thọ, thuận với lạc thọ, mà chiêu cảm nghĩ kia, gọi là thuận với nghiệp lạc thọ. Thuận với khổ, không phải hai, về lý cũng nên như thế.

Ba nghiệp như thế có định, bất định. Tương chúng thế nào?

Tụng rằng:

Nghiệp có định, bất định

Định ba thuận hiện thấy

Hoặc nói nghiệp có năm

Sư khác nói bốn câu.

Luận chép: Thuận với lạc thọ, v.v... đã nói trên đây, nên biết đều có khác nhau giữa định, bất định. Không phải vì chắc chắn thọ, nên đặt danh từ bất định, nghĩa là thuận với nghiệp vui không phải

chắc chắn thành thực, nếu đã thành thực sẽ nên thọ dị thực vui, thuận với hai nghiệp khác, nói cũng như thế.

Chắc chắn lại có ba:

1. Thuận với thọ hiện pháp.
2. Thuận với thứ lớp sinh thọ.
3. Thuận với thọ kế là sau.

Ba định nghiệp này chắc chắn chiêu cảm dị thực và bất định trước, cộng chung thành bốn thứ. Hoặc dục hữu khiến thọ nghiệp bất định. Lại có hai thứ: Nghĩa là ở dị thực có định, bất định và nghiệp định ba hợp thành năm thứ.

Phái Thí Dụ giả nói: Nghiệp có bốn luận chứng:

1. Có nghiệp đối với thời phần chắc chắn, dị thực không chắc chắn. Nghĩa là thuận với ba thứ như hiện, v.v..., không nhất định được dị thực.
2. Có nghiệp đối với dị thực chắc chắn, thời phần không chắc chắn, nghĩa là nghiệp bất định, chắc chắn được dị thực.
3. Có nghiệp đối với cả hai đều có chắc chắn, nghĩa là thuận với hiện, v.v... chắc chắn được dị thực.
4. Có nghiệp đối với cả hai đều có bất định, nghĩa là nghiệp bất định không nhất định được dị thực.

Các nghiệp đã nói kia cộng chung thành tám thứ, nghĩa là thuận với hiện thọ có định, bất định, cho đến bất định cũng có hai thứ, trong sự sai khác của nghiệp đã nói ở đây.

Tụng rằng:

*Bốn thiện, nhận cùng làm
Dẫn đồng phần chỉ ba.
Các xứ tạo bốn thứ
Thiện địa ngục trừ hiện.
Vững chắc địa lìa nhiễm
Phàm phu không tạo sinh
Thánh không tạo sinh sau
Lui sứt Hữu danh, Dục.*

Luận chép: Trong đây, chỉ nói về thuận với nghiệp vui, v.v... vào thời gian hiện, v.v... có định, bất định. Giải thích về nói mà kinh nói, là vì thuận với bốn nghiệp hiện thọ khác nhau, nên trong định nghiệp chia làm ba thứ: Và hợp với nghiệp bất định mà thành bốn, đây là nói thiện. Về lý, không có dị thực bất định, nghiệp định thời phần. Thời phần chắc chắn chỉ là vì khác nhau vị trong dị thực chắc chắn, nên không phải là

dị thực, có thể thời gian riêng.

Hỏi: Như thời phần nào chắc chắn không phải dị thực?

Đáp: Trong đây chỉ dựa vào định nghiệp dị thực, được sự sai khác của quả vị, vì lập thuận với hiện, v.v...

Hỏi: Vả lại, có bốn nghiệp tạo tác đều lúc chẳng?

Đáp: Làm sao chấp nhận có sai khiến ba sử rồi, tự hành tà dục, đều có thời phần rớt ráo, thuận với hiện thọ, v.v...

Trong bốn thứ nghiệp, bao nhiêu nghiệp có công năng dẫn chúng đồng phần? Chỉ có ba công năng dẫn, trừ thuận với hiện nghiệp, do thuận với hiện nghiệp, nên dựa vào đồng phần được nghiệp trước dẫn mới được khởi, tức vì ở hiện thế gian, sẽ cho quả.

Hỏi: Cõi nào, đường nào tạo ra bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Các cõi, các đường hoặc thiện, hoặc ác, tùy theo đối tượng thích ứng của cõi đó, đều chấp nhận tạo ra bốn, triển khai chung là như thế, nếu y cứ ở ngăn dứt riêng, thì thiện trong Nại-lạc-ca, trừ thuận với hiện, vì không có quả ái, ngoài ra đều được tạo, họ không lui sụt, gọi là vững chắc. Người kia đối với địa lìa nhiễm, nếu loại phàm phu trừ thuận với sinh thọ có thể gây ra ba pháp khác. Bậc Thánh cùng trừ, thuận với sinh thọ, hậu thọ có thể tạo hai phàm phu khác không lui sụt. Nếu lìa nhiễm của địa kia, sẽ không có chấp nhận thọ sinh Vô gián ở địa kia, nên địa kia lẽ ra trừ thuận với nghiệp sinh thọ. Mất ở cõi trên, sẽ sinh lại cõi dưới, nên chấp nhận tạo ra phàm phu thuận với nghiệp thọ sau, bậc Thánh không lui sụt. Nếu lìa nhiễm của cõi kia, thì sẽ không chấp nhận có sinh lại ở cõi kia, nên bậc Thánh kia song song trừ thuận với sinh, thuận với sau, tùy theo địa đã sinh, chấp nhận tạo ra thuận với hiện thọ, tạo ra nghiệp bất định, tất cả xứ không có ngăn dứt, nhưng các bậc Thánh nếu ở cõi Dục và xứ Hữu đánh đã được lìa nhiễm, thì dù có lui đọa, nhưng cũng không tạo ra thuận với nghiệp sinh thọ, hậu thọ. Từ lui sụt xứ Hữu đánh, sẽ thoái lui quả, thoái lui quả rồi sẽ không mạng chung lại được quả gốc.

Vị trụ trung hữu, cũng tạo nghiệp chẳng? Thế nào là cũng tạo?

Tụng rằng:

Trung hữu Dục năng tạo

Hai mươi hai thứ nghiệp

Đều thuận với hiện thọ

Vì một loại đồng phần.

Luận chép: Vị trung hữu trụ ở cõi Dục, chấp nhận có công năng tạo hai mươi hai nghiệp. Nghĩa là vị trung hữu và ở trong thai, xuất thai

về sau đều có năm vị.

Năm vị trong thai là.

1. Yết-thích-lam.
2. At-bộ-đàm.
3. Bế-thi.
4. Kiếu-nam.

5. Bát-la-xa-khư.

Năm vị ngoài thai:

1. Hải nhi.
2. Đồng tử.
3. Thiếu niên.
4. Trung niên.
5. Lão niên.

Mười một vị này thuộc về một sinh, trụ vị trung hữu, có công năng tạo nghiệp định, bất định của trung hữu, cho đến công năng tạo hai nghiệp của thời kỳ già nên biết cũng vậy, sẽ biết mười một thứ định nghiệp mà trung hữu đã tạo như thế, đều thuộc về thuận với hiện thọ. Do loại đồng phần không có khác nhau, nghĩa là vị trung hữu này với mười vị tự loại. Một chúng đồng phần, vì một dẫn nghiệp. Do đó, không nói riêng, thuận với thọ nghiệp của trung hữu, tức thuận với nghiệp đã dẫn sinh, v.v...

Loại đồng phần, nghĩa là loài người, v.v..., không phải đường, không phải sinh, do y cứ ở đường, ở sinh mà trung hữu sinh có đồng phần khác nhau.

Các thọ nghiệp chắc chắn, tướng ấy thế nào?

Tụng rằng:

Do hoặc nặng tâm tịnh.

Và là chỗ thường tạo

Khởi ở ruộng công đức

Định nghiệp hại cha mẹ.

Luận chép: Nếu nghiệp đã tạo, do phiền não nặng hoặc tâm trong sạch, hoặc thường đã làm, hoặc đối với ruộng công đức tăng thượng mà khởi. Ruộng công đức, là Phật, Pháp, Tăng, hoặc Bồ-đặc-già-la trên Tăng, nghĩa là chứng đức thù thắng của thế gian, xuất thế gian, đối với thửa ruộng này, dù không có hoặc nặng và tâm thuần tịnh, nhưng cũng là hạnh chẳng phải thường. Nếu thiện, bất thiện đã khởi các nghiệp, hoặc đối với cha mẹ, nếu khởi triền phẩm hạ, làm việc tổn hại. Như vậy, tất cả đều thuộc về định nghiệp.

Có sư khác nói: Nếu dùng ý ưa thích nhảy bén, mãnh liệt mà tạo ra, hoặc có người tạo nghiệp rồi, khởi tâm vui mừng, hoặc tất cả thời, thường tập quen.

Hoặc do nguyện lực vượt hơn, sức sự đã khởi nghiệp, đều chắc chắn nghiệp quả hiện pháp. Tướng đó ra sao?

Tụng rằng:

*Do ruộng A-thế-da hơn
Và định với dị thực
Được lia hẳn nghiệp địa.
Định tạo quả hiện pháp.*

Luận chép: Do ruộng vượt hơn. Nghe nói có Bí-sô ở trong chúng tăng bắt chước giọng nói của người nữ, chỉ trong giây lát Bí-sô ấy chuyển thành thân người nữ. Những chuyện này được đồn đại, loại ấy chẳng phải một.

Do ý ưa thích vượt hơn. Nghe nói có việc huyền môn thiên để cứu thoát các con bò, chỉ trong giây lát chúng được chuyển thành trượng phu. Những chuyện đồn đại này cũng chẳng phải một.

Hoặc có nghiệp khác cũng được quá khứ, hiện tại, nghĩa là sinh địa này, lia hẳn nhiễm của địa này.

Các nghiệp thiện, bất thiện trong địa này, sẽ nên hiện thọ, vì bất sinh lại, như A-la-hán và người Bất hoàn, khi chưa lia nhiễm đã tạo nghiệp kia. Nay vì lia nhiễm, nên thành thọ hiện pháp.

Hỏi: Hiện pháp đó là nghiệp nào?

Đáp: Nghĩa là dị thực chắc chắn, nên biết nghiệp đã nói trong đây là dị thực chắc chắn, không phải thời gian, nghiệp chắc chắn. Nếu có vị khác thuận với thọ nghiệp chắc chắn, thì vị đó chắc chắn sẽ không có nghĩa lia hẳn nhiễm, sẽ thọ quá dị thực ở vị khác. Nếu ở dị thực cũng không chắc chắn, thì vì lia hẳn nhiễm nên không thọ dị thực.

Các vị Bất hoàn và A-la-hán, đối với ba cõi Dục, nếu thoái lui khởi nhiễm, thì sẽ bất sinh cõi dưới, chắc chắn Niết-bàn, nên định nghiệp dị thực đều thành hiện thọ. Quả vị khác tùy đối tượng thích ứng với mình, giống với địa vì này sẽ nói.

Ruộng nào khởi nghiệp chắc chắn thọ ngay chăng?

Tụng rằng:

*Đối Phật, thượng thủ Tăng
Và vô tránh định diệt
Từ, Kiến, Tu đạo xuất
Nghiệp tổn, ích thọ ngay.*

Luận chép: Trong ruộng công đức của loại như thế, vì nghiệp thiện, bất thiện chắc chắn thọ quả ngay.

Ruộng công đức, là Đức Phật, thượng thủ trong tăng.

Căn cứ vào sự sai khác của Bồ-đặc-già-la có năm:

1. Xuất Định diệt, nghĩa là trong định này, được tâm vắng lặng. Định này vì vắng lặng, giống với Niết-bàn. Nếu từ định ấy, lúc khởi tâm đầu tiên, như nhập Niết-bàn, lại xuất, nghĩa là công đức tinh vượt hơn, trang nghiêm thân mình, là chỗ dựa của tâm tịnh ân trọng sinh trưởng.

2. Xuất vô tránh, nghĩa là trong định này đã có công năng nhỏ hẳn tất cả tai họa phiền não nối tiếp. Tất cả hữu tình có duyên làm cảnh, đã khởi vô biên ý ưa thích tăng thượng, với công đức vô tránh chứa nhóm hun đúc thân. Khi xuất vô tránh này, tâm hữu tình kia nối tiếp, không bị khuấy phục vì hơn do tâm định, tâm bất định của tất cả thế gian, là ruộng vượt hơn, đến gần quả là phước, không phải phước.

3. Xuất định từ: là trong định này, vô lượng hữu tình có duyên làm cảnh, lợi ích yên vui, ý ưa thích tăng thượng, chứa nhóm huân tập thân. Khi xuất định này, công đức vượt hơn của vô lượng hữu vi đã huân tu tập thân, nối tiếp nhau mà chuyển, có thể sinh nghiệp vượt hơn.

4. Xuất kiến đạo, nghĩa là trong đạo này có công năng vượt qua một phần căn bản sinh tử luân hồi trong ba cõi, không có khả năng vượt qua được lựu chuyển từ vô thí. Xuất đạo này, có thân tịnh vượt hơn, nối tiếp nhau sinh, có công năng sinh nghiệp vượt hơn.

5. Xuất tu đạo, nghĩa là trong đạo này có công năng siêu việt một phần căn bản sinh tử. Ngoài ra, như trước đã nói.

Từ mỗi Bồ-đặc-già-la như thế, trong vị xuất đầu tiên, nhân theo tâm với thế lực công đức vượt hơn đã tu ở trước, cũng chiếu cố trở lại, chuyên niệm không xả, các căn vắng lặng, đặc biệt khác thường, phước định, bất định của thế gian, xuất thế gian, không có công năng chế phục lần đoạt vượt hơn công đức của Bồ-đặc-già-la kia, nên gọi năm Bồ-đặc-già-la này, là ruộng công đức.

Nếu có nghiệp ở giữa làm tổn, ích, thì nghiệp này chắc chắn chiêu cảm quả tức thì. Nếu khi từ định khác, quả khác xuất, do định đã tu trước, không phải cao siêu, vì hoặc do tu dứt, chưa rốt ráo hết, nên hoặc kia vẫn nối tiếp nhau, vì thế không phải ruộng phước cao siêu, mà là thọ trong quả dị thực rất vượt hơn. Nay nên tư duy, lựa chọn.

Trong các nghiệp, có nghiệp chỉ chiêu cảm tâm thọ dị thực, hoặc chiêu cảm thân thọ, không chiêu cảm tâm thọ chẳng?

Cũng có thì sao?

Tụng rằng:

*Các thiện nghiệp không tâm
 Ác chỉ cảm thân thọ
 Là cảm thọ nghiệp khác.
 Thuận chỉ cảm tâm thọ.*

Luận chép: Thiện không có nghiệp tâm, nghĩa là từ định trung gian cho đến tất cả nghiệp thiện ở Hữu đảnh trong đó có thể chiêu cảm thọ dị thực, nên biết chỉ chiêu cảm tâm thọ, không phải thân, ở trong địa kia, vì không có thân thọ, nên thân thọ chắc chắn tương ứng với tâm, chẳng phải nghiệp không có tâm chiêu cảm quả có tâm. Các nghiệp bất thiện có thể chiêu cảm thọ, nên biết chỉ chiêu cảm thân thọ, không phải tâm, do nhân bất thiện, lấy khổ thọ làm quả, khổ thọ của địa ý chắc chắn gọi là ưu, ưu thọ không thuộc về quả dị thực, nên nghiệp bất thiện chỉ chiêu cảm thân thọ. Nếu chấp ưu căn chắc chắn không phải dị thực, thì các loại hữu tình đã phát tâm điên loạn?! Tâm này trong thức nào? Nhân nào chiêu cảm: Dựa vào đâu khởi? Không phải dị thực chẳng?

Tụng rằng:

*Tâm cuồng chỉ ý thức
 Do nghiệp dị thực sinh
 Và sợ, hại trái ưu
 Trừ châu Bắc cõi Dục.*

Luận chép: Tâm hữu tình cuồng loạn chỉ ở ý thức. Nếu ở năm thức, thì không có tâm điên cuồng, vì năm thức thân vô phân biệt.

Hỏi: Vì nhân nào mà tâm hữu tình cuồng loạn?

Đáp: Vì nghiệp của các hữu tình khởi dị thực. Do những nghiệp nào mà khởi dị thực là do hữu tình kia đã dùng vật thuốc, chú thuật Để-sai khiến làm cho tâm người bị cuồng loạn. Hoặc lại khiến người khác uống thứ không phải họ muốn: hoặc thuốc độc, hoặc rượu, hoặc hiện oai nghiêm, làm cầm thú sợ hãi, v.v..., hoặc đốt lửa đốt cháy núi, chằm, hoặc đào hầm, giếng để xô chúng sinh rơi xuống, hoặc sự nghiệp khác, khiến cho người khác quên mất.

Do nghiệp nhân này, cảm được dị thực đại chủng của loại khác ở đời đương lai. Do thế lực của nghiệp kia làm cho tâm phát cuồng loạn.

Do thể điên cuồng của tâm này không phải dị thực, vì tâm thiện, bất thiện, v.v... đều chấp nhận điên cuồng. Do đó, chỉ nói nghiệp dị thực sinh, nghĩa là nghiệp nhân ác, chiêu cảm đại chủng dị thực bất bình đẳng. Dựa vào tâm đại chủng này, bèn mất niệm nên gọi là điên cuồng.

Tâm loạn cuồng như thế, đối với tâm rối loạn, nên có bốn luận chứng:

1. Cuồng không phải loạn, nghĩa là các người cuồng tâm bất nhiễm ô.
2. Loạn không phải cuồng, nghĩa là người không cuồng mà các tâm nhiễm ô.
3. Vừa cuồng vừa loạn, nghĩa là các người cuồng, các tâm nhiễm ô.
4. Không phải cuồng không phải loạn, nghĩa là người không cuồng với tâm bất nhiễm ô. Tâm hữu tình cuồng, vì chỉ do tâm này, lại do bốn thứ.

Bốn thứ ấy là:

1. Do kinh sợ, nghĩa là phi nhân, v.v... hiện hình đáng sợ hãi đến ép ngặt. Hữu tình nhìn thấy rồi dẫn đến tâm bị cuồng.
2. Do tổn hại, nghĩa là nhân sự nghiệp, xúc não phi nhân, v.v... Vì cơn giận dữ của người kia, nên làm tổn thương chi tiết, v.v... của họ, bèn dẫn đến tâm bị cuồng. Trong thân hữu tình có chi liệt riêng, nếu bị đánh, chàm sát, tâm liền phát cuồng.
3. Do giới nóng bức của gió trong thân, hỗ tương chống trái lẫn nhau, vì đại chủng với sự vừa ý, nên gây ra tâm cuồng.
4. Do lo sầu, nghĩa là nhân mất đi việc thân ái, v.v..., ôm ấp triền độc buồn rầu, tâm bèn phát điên cuồng, như Bà-tư, v.v...

Hữu tình nào có tâm điên cuồng này?

Trừ châu Câu-lô ở phía Bắc, các châu còn lại, các loại hữu tình cõi Dục đều chấp nhận có tâm điên cuồng, nghĩa là tâm tri dục còn có cuồng loạn, hướng chi là nói đường ác mà được lia tâm điên cuồng! Địa ngục thường điên cuồng, vì bị các khổ ép ngặt, các bậc Thánh cõi Dục, chỉ trừ chư Phật. Đại chủng trái với sự thích hợp, chấp nhận có tâm điên cuồng. Tất cả Như lai đều không có tâm cuồng loạn, không có xả mạng dẫn, không có bể tiếng, cũng không có việc tóc bạc, da nhăn, v.v..., vì diệu nghiệp thuần tịnh cùng cực sinh ra. Lại, trong kinh nói: Nghiệp có ba thứ, đó là cong vạy, cấu uế, vẩn đục.

Tướng chúng thì thế nào?

Tụng nói

Nói nghiệp cong, như dục

Dua nịnh, giận, tham sinh.

Luận chép: Ba thân, ngũ, ý đều có ba thứ, cong vạy, cấu uế và vẩn đục. Như theo thứ lớp nên biết dựa vào siểm nịnh được sinh từ

tham, sân. Nghĩa là dựa vào tánh dua nịnh, sinh ra nghiệp thân, ngữ, ý, gọi là nghiệp cong vạy, vì loại dua nịnh cong vạy. Vì sự cong vạy thật, gọi là kiến, nên Khế kinh nói: Sự cong vạy thật là gì? Nghĩa là các ác kiến, vì dua nịnh là loại kiến ấy, nên gọi là cong vạy. Từ sự dua nịnh sinh ra nghiệp thân, ngữ, ý, vì cong vạy làm nhân, nên quả được gọi là nhân. Cho nên, Đức Thế tôn nói nghiệp kia là cong vạy.

Nếu sự giận dữ kia sinh ra nghiệp thân, ngữ, ý, gọi là nghiệp cấu ố, vì loại giận cấu ố.

Sự giận dữ gọi là cấu ố, nghĩa là cơn giận dữ biểu hiện ở trước, như viên sắt nóng, hễ bị ném chỗ nào thì đều có thể đốt hại thân, tâm của mình lẫn người. Vì giận dữ là lỗi rất nặng trong các phiền não, nên đấng Bạc-già-phạm lại đặt tên cấu ố, là vì rất nhơ trong các cấu ố, nên từ giận dữ sinh ra nghiệp thân, ngữ, ý, vì sự cấu ố làm nhân, nên quả được gọi là nhân. Cho nên, Đức Thế tôn nói: Sự giận dữ kia là vết nhơ ố.

Nếu dựa vào tham, sinh ra nghiệp thân, ngữ, ý, gọi là nghiệp vẫn đục, vì loại tham vẫn đục. Tham, gọi là vẫn đục, nghĩa là tham hiện tiền, nhiễm đắm sở duyên, vì là tánh nhiễm, nên từ tham kia sinh, v.v..., so với trước, nên giải thích. Lại, đạo chân thật gọi là tám chi Thánh, công năng ngăn dứt chân thật kia sinh ba nghiệp, gọi là cong vạy. Chân thật không bị bệnh. Nghĩa là câu Niết-bàn, chương chứng Niết-bàn kia nhân ba nghiệp, gọi là cấu ố. Dựa vào kiến ngoại đạo, ở trong Phật giáo, chương tâm tín tịnh, không tin, gọi là cấu ố, vì có thể khuấy đục lòng tin thanh tịnh, nên từ kiến kia mà khởi ba nghiệp, gọi là vẫn đục. Lại, rơi vào dứt, thường, trái với hành trong xứ. Từ kiến kia đã khởi nghiệp thân, ngữ, ý, trái với nghĩa đạo chánh trực, nên đặt tên cong vạy, do tổn giảm, kiến khởi các nghiệp, vì pháp hay làm cấu ố các sạch, nên đặt tên nhơ. Tên nhơ dựa vào nghĩa rất nhơ, nên Tát-ca-da kiến khởi các nghiệp, có thể chương ngại kiến tịnh vô ngã chân thật, vì dựa vào nghĩa chương tịnh, nên đặt tên trước (vẫn đục).

Lại, trong kinh nói: Nghiệp có bốn thứ, nghĩa là hoặc có nghiệp đen dị thực đen, hoặc có nghiệp trắng dị thực trắng, hoặc lại có nghiệp đen trắng dị thực đen trắng, hoặc lại có nghiệp không phải đen, không phải trắng, không có dị thực, có thể dứt hết các nghiệp.

Dù kinh lược chỉ bày, nhưng không giải thích rộng. Nay nên giải thích nghiệp kia, tướng chúng thế nào?

Tụng rằng:

Dựa đen, đen khác nhau,

*Đã nói bốn thứ nghiệp
Sắc ác, thiện cõi Dục
Làm hết vô lậu kia
Nên biết như thứ lớp
Gọi đen, trắng đều sai.*

Luận chép: Đức Phật dựa vào loại tánh của quả nghiệp khác nhau, đối tượng đối trị, chủ thể trị khác, nói bốn thứ như đen, đen, v.v.... Một câu các nghiệp bất thiện, gọi là đen, do đủ đen nhiễm ô, vì đen không vừa ý, nên dị thực cũng đen. Vì không vừa ý, nên nghiệp thiện cõi Sắc hoàn toàn gọi là trắng, không bị lẫn lộn do tất cả phiền não bất thiện và nghiệp bất thiện, nên dị thực cũng trắng, vì là vừa ý, vì không phải người Vô sắc nhiều thiếu, giảm, nên nghiệp thiện cõi Dục gọi là đen trắng, vì bị lẫn lộn do ác, nên dị thực cũng trắng đen là quả phi ái vì lẫn tạp nên trắng đen này gọi là dựa vào sự nối tiếp nhau mà lập, không phải y cứ ở tự thể vì trái nhau, nên việc ác cõi Dục mạnh, không phải lẫn lộn với thiện, nên quả của nghiệp ác được gọi là thuần đen. Các nghiệp vô lậu có công năng dứt hết hẳn ba nghiệp trước, gọi là nghiệp thứ tư. Nghiệp vô lậu này vì không phải nhiễm ô, nên không gọi là đen, vì không phải thuận với ái. Lại vì không thể chiêu cảm dị thực trắng, nên gọi là không phải trắng. Nhưng kinh Đại Không nói: Pháp Vô học là trắng thuần túy, do pháp Vô học siêu việt đối với các nhiễm, trong thân có thể được, không phải như pháp học, không phải siêu việt các nhiễm, trong thân có thể được. Các nghiệp vô lậu, vì đều có thể dứt hết ba nghiệp trước hay không? Không như vậy thì thế nào? Tụng rằng:

*Bốn pháp nhãn lià dục
Tám trước cùng Vô gián
Mười hai vô lậu tư
Chỉ hết nghiệp thuần đen.
Bốn tĩnh lự lià dục
Tư Vô gián thứ chín
Một đều tạp, thuần đen
Bốn khiến thuần trắng hết.*

Luận chép: Bốn pháp trí nhãn trong kiến đạo và tu đạo, vị lià nhiễm dục Thánh đạo Vô gián thứ tám ở trước đều hiện hành, có mười hai tư, chỉ đều thuần đen. Lià nhiễm cõi Dục, Thánh đạo Vô gián thứ chín đều hiện hành. Một tư vô lậu, cả hai khiến trắng đen và thuần đen hết, vào thời gian này đều dứt, vì thiện của cõi Dục cũng dứt nghiệp bất thiện thứ chín, nên lià nhiễm ở mỗi địa của bốn tĩnh lự, đạo Vô gián thứ

chín cùng có hiện hành tư vô lậu.

Bốn tư này, chỉ khiến cho nghiệp thuần trắng hết, vì các nghiệp khác không có dị thực, vì không phải đối tượng sáng suốt, nên ở đây không biện luận, nên ở trong đây chỉ nói mười bảy với đạo Vô gián đều hiện hành. Thánh tư duy ở ba nghiệp của hữu lậu trước hết hẳn. Mặc dù tận các nghiệp là khả năng của tuệ Thánh, nhưng trong đây nói đối trị gần, dù nghiệp thân, ngữ cũng trị gần ba, vì không tương ứng tuệ, nên ở đây không nói.

Vì sao nghiệp thiện hữu lậu của các địa, chỉ đạo sau cuối có khả năng dứt, không phải đạo khác, do các pháp thiện, không phải tự tánh dứt, vì đã dứt hữu, chấp nhận hiện ở trước, nhưng do khi duyên phiền não tận kia, mới gọi là dứt pháp thiện. Bảy giờ, pháp thiện được lia trôi buộc, do đó cho đến duyên một phẩm khác của phiền não kia, nghĩa dứt không thành, lúc này pháp thiện cũng bị ràng buộc. Tụng rằng:

Có thuyết: thọ địa ngục

Nghiệp dục khác, đen, tạp

Có nói: Dục kiến diệt

Nghiệp dục khác đều đen.

Luận chép: Thứ nhất, thứ ba, đều có nói khác.

Có sư khác nói: Thuận với thọ địa ngục và thuận với thọ nghiệp khác trong cõi Dục, như thứ lớp, gọi là nghiệp xen lẫn thuần đen. Nghĩa là dị thực địa ngục vì chỉ chiêu cảm bất thiện, nên thuận với thọ địa ngục kia, gọi là nghiệp thuần đen, chỉ trừ địa ngục, dị thực trong cõi Dục khác, đều chung cho việc chiêu cảm nghiệp thiện, ác, nên thuận với thọ cõi kia, gọi là nghiệp đen trắng.

Như thế đã nói trước đã ngăn dứt, nghĩa là việc thiện không có công năng xen lẫn bất thiện.

Có sư khác nói: Kiến cõi Dục dứt và tất cả nghiệp khác trong cõi Dục, như thứ lớp gọi là nghiệp đều có thuần đen. Nghĩa là do kiến dứt, vì không có xen lẫn thiện, nên gọi là nghiệp thuần đen. Do tu dứt cõi Dục có thiện, bất thiện, nên gọi là nghiệp đều có. Điều này cũng phi lý, vì trong hai sở dứt, đều có nghiệp, không thể chiêu cảm quả dị thực.

Nếu cho rằng trong đây đã nói ba nghiệp y cứ có dị thực, gọi là chẳng phải không có dị thực ấy, không nên phân biệt nói kiến cõi Dục đã diệt. Lại, nghiệp lực mạnh, về lý sẽ không nên, vì người yếu kém, nên bị xen lẫn, vì thế không nên gọi là các nghiệp bất thiện do tu dứt, cũng được gọi là xen lẫn, cũng không nên nói ở cõi Dục Có sức thiện vượt hơn bất thiện, vì chế phục nghiệp ác, không phải điều ta đã thừa

nhận. Vì sao? Vì việc thiện của cõi Dục không phải thường hiện hành, nên không có khả năng chiêu cảm quả của một kiếp.

